TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Hiền**
2. Bà **Đoàn Thị Huệ**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Lê Thị O**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Thạnh P, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

* **Bị đơn**: Anh **Huỳnh Quốc T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Thạnh P, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Chị O; Anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị O trình bày:***

Vào năm 2005, chị có tổ chức lễ cưới và chung sống với anh Huỳnh Quốc T (không có đăng ký kết hôn). Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách, anh T thường xuyên ăn nhậu, gái gú, ngày nào cũng diện cớ đi làm đến nửa đêm mới về nhà, chị không nói thì thôi nếu nói tới anh bỏ đi mấy ngày mới về. Mọi việc trong ngoài kể cả con cái anh đều đùn đẩy hết cho chị, không hề biết quan tâm chia sẻ. Đã nhiều năm qua chị cố gắng nhẫn nhịn để cho anh cơ hội sửa chữa nhưng rồi vẫn chứng nào tật nấy, mâu thuẫn càng ngày càng phát sinh nhiều thêm. Nhận thấy cuộc hôn nhân này anh, chị không tháo gỡ được nên chị yêu cầu xin ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung Huỳnh Thúy N, sinh ngày 29/9/2006, Huỳnh Lý Thư K, sinh ngày 18/01/2015. Hiện sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Thư K mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại tờ tự khai và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Quốc T có ý kiến trình bày:**

Do quen biết anh và chị O tiến tới hôn nhân vào năm 2005, do bận công việc nên không có đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Nay chị O yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung có 02 con chung Huỳnh Thúy N, sinh ngày 29/9/2006, Huỳnh Lý Thư K, sinh ngày 18/01/2015. Hiện sống với chị O. Khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị O nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Thư K 1.000.000 đồng mỗi tháng bắt đầu thực hiện từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu Thư K tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị O, anh T: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị O và anh Huỳnh Quốc T xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận Chị Lê Thị O và anh Huỳnh Quốc T là vợ chồng. Chị O và anh T xác định có 02 con chung Huỳnh Thúy N, sinh ngày 29/9/2006, Huỳnh Lý Thư K, sinh ngày 18/01/2015. Chị O và anh T thống nhất khi ly hôn anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị O nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Thư K 1.000.000 đồng mỗi tháng bắt đầu thực hiện từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu Thư K tròn 18 tuổi và tự lao động được nên đề nghị Hội

đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị O và anh T. Về tài sản chung và nợ chung: Chị O và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị O và bị đơn anh Huỳnh Quốc T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị O và anh T thống nhất trình bày hai anh, chị tiến đến hôn nhân vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy cuộc hôn nhân anh, chị không tháo gỡ được nên yêu cầu xin ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và kết quả của việc xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị O và anh T đã thật sự trầm trọng, anh chị đã ly thân thời gian khá lâu mà vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Nay chị O yêu cầu ly hôn với anh T, thì anh T cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định chị O và anh T không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị O và anh T thỏa thuận khi ly hôn tiếp tục giao 02 con chung Huỳnh Thúy N, sinh ngày 29/9/2006, Huỳnh Lý Thư K, sinh ngày 18/01/2015 cho chị Lê Thị O nuôi dưỡng; anh T cấp dưỡng nuôi cháu Thư K 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thư K tròn 18 tuổi và tự lao động được, bắt đầu thực hiện từ tháng 6 năm 2022.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chị O và anh T thỏa thuận tiếp tục giao 02 con chung cho chị O nuôi dưỡng là phù hợp. Bởi lẽ từ khi chị O và anh T ly thân cho đến nay, 02 con chung do chị O đang nuôi dưỡng và theo ý kiến trình bày của 02 con chung đều có nguyện vọng được ở với chị O. Đồng thời việc thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị O và anh T và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Quốc T cấp dưỡng nuôi cháu Thư K 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thư K tròn 18 tuổi và tự lao động được, bắt đầu thực hiện từ tháng 6 năm 2022.

Kể từ ngày chị O có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền

chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị O không có yêu cầu cấp dưỡng đối với Huỳnh Thúy N, sinh ngày 29/9/2006 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị O và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị O và anh Huỳnh Quốc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung Huỳnh Thúy N, sinh ngày 29/9/2006, Huỳnh Lý Thư K, sinh ngày 18/01/2015 cho chị Lê Thị O nuôi dưỡng

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Quốc T cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Lý Thư K 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thư K tròn 18 tuổi và tự lao động được, bắt đầu thực hiện từ tháng 6 năm 2022.

Kể từ ngày chị O có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị O không có yêu cầu cấp dưỡng đối với Huỳnh Thúy N, sinh ngày 29/9/2006 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị O và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị O đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005136 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên được cấn trừ xem như chị O đã thi hành xong phần án phí.

- Anh Huỳnh Quốc T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Chị Lê Thị O, anh Huỳnh Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên G xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU